

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2025/HC-PT

Ngày 30 tháng 9 năm 2025

*V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi
thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà
nước thu hồi đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Hồng

Các thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Chiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 599/2025/TLPT-HC ngày 27/6/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 67/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1343/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Mai Thị Thanh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Lê Minh T1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số F lô B, chung cư T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- Ông Từ Thái H, sinh năm 1973. Địa chỉ: A Chung cư H Đ, G đường T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh), có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Đ. Địa chỉ: Khu công nghiệp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ có: Ông Nguyễn Văn T2 – Chuyên viên Công ty điều hành khu công nghiệp H, có mặt.

4. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ - Là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Mai Thị Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Bà Mai Thị Thanh T có thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, tổng diện tích 954m², loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/11/2008.

Ngày 31/12/2013, UBND huyện Đ có Quyết định số 21739/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị Thanh T3, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, tổng diện tích 954m², loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 26/4/2024, UBND huyện Đ có Quyết định số: 1667/QĐ-UBND về việc điều chỉnh họ và tên trong Quyết định thu hồi đất số: 21739/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND huyện Đ (điều chỉnh tên từ Mai Thị Thanh T3 thành Mai Thị Thanh T). Cùng ngày 26/4/2024, UBND huyện Đ có Quyết định số: 1668/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T số tiền 1.479.418.875 đồng.

Bà Thanh T không đồng ý với Quyết định số: 1668/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T. Bởi vì ngày 26/4/2024 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T căn cứ vào Quyết định số 3805/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh L áp giá bồi thường phần đất nêu trên là không phù hợp và sai quy định

pháp luật, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thanh T do đó bà T không đồng ý, bà Thanh T đã có đơn khiếu nại đến UBND huyện Đ.

Ngày 23/9/2024, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 14989/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 1668/QĐ-UBND và bác đơn khiếu nại của bà Thanh T về việc bà T khiếu nại Quyết định số 1668/QĐ-UBND.

Bà Thanh T rất bức xúc và cho rằng việc áp giá bồi thường phân đất nêu trên của bà Thanh T là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà Thanh T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 21739/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị Thanh T3 ngày 31/12/2013; Hủy Quyết định số: 1667/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc điều chỉnh họ và tên trong quyết định thu hồi đất số 21739/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện Đ (Điều chỉnh tên Mai Thị Thanh T3 thành Mai Thị Thanh T); Hủy Quyết định số: 1668/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T số tiền 1.479.418.875 đồng; Hủy Quyết định số: 14989/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Đ ngày 23/9/2024 về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T. Buộc UBND huyện Đ ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất căn cứ vào khung giá đất hiện hành đối với phần đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, tổng diện tích 954m², loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Đồng thời áp giá thửa đất 02 theo giá đất giáp mặt tiền đường đá xanh trên 03 mét.

Tại Văn bản số 4027/UBND-TA ngày 11/3/2025 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ có ý kiến:

Xét việc bà Mai Thị Thanh T yêu cầu hủy Quyết định số: 21739/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với ông (bà) Mai Thị Thanh T, đất tọa lạc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An là trái các quy định pháp luật. Cụ thể:

Căn cứ pháp lý Luật Đất đai năm 2013, cụ thể: Tại khoản 11, Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: “Nhà nước thu hồi đất là việc Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai”. Tại điểm a, khoản 1, Điều 16 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: “Nhà nước quyết định thu hồi đất trong các trường hợp ... thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng”. Tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: “Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng”.

Tại điểm a, khoản 2, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: “Thẩm quyền thu hồi đất. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư”;

Tại khoản 4, Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: “Thông báo thu hồi đất và chấp hành quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai, người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất”.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 1668/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Mai Thị Thanh T (thay thế Quyết định số 6282/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND huyện Đ) là không đúng theo quy định của pháp luật. Bởi vì:

Căn cứ điểm a khoản 3, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như sau: “Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày”; theo khoản 3, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: “UBND cấp huyện ban hành quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong trường hợp: Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam”.

Theo khoản 4, Điều 24 Quyết định số: 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An, có quy định: “Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho từng chủ sử dụng nhà đất cụ thể”. Ủy ban nhân dân tỉnh L có ban hành Quyết định số 3805/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Khu công nghiệp N qua địa bàn xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ pháp lý trên phù hợp với khoản 2, Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Về giá đất, đã có quy định tại khoản 1, Điều 15 Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xác định giá đất, cụ thể như sau: Căn cứ nguyên tắc định giá đất quy định, phương pháp giá đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4 của Nghị định này và kết quả tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể.

Do đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án trên đã áp giá và thẩm định để trình UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 1668/QĐ- UBND

ngày 26/4/2024 của UBND huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Mai Thị Thanh T (thay thế Quyết định số: 6282/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND huyện Đ) là phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Về nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 14989/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Mai Thị Thanh T:

Ngày 04/6/2024, bà Mai Thị Thanh T có đơn khiếu nại Quyết định số: 1668/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Đ. Ngày 10/6/2024, UBND huyện có Công văn số: 8940/UBND-TCD về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân, có giao Thanh tra huyện kiểm tra nội dung đơn khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T, báo cáo đề xuất UBND huyện xem xét giải quyết theo quy định.

Ngày 12/7/2024, UBND huyện ban hành Quyết định số: 10918/TB-UBND về việc giao nhiệm vụ Thanh tra huyện Đ tiến hành xác minh làm rõ nội dung khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T. Ngày 26/8/2024, Thanh tra huyện có Báo cáo số: 432/BC-TTr về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T. Ngày 11/9/2024, Chủ tịch UBND huyện Đ tiến hành đối thoại với bà Mai Thị Thanh T.

Ngày 23/9/2024, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 14989/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Mai Thị Thanh T là đúng theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định tại Nghị định số: 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và thẩm quyền giải quyết khiếu nại đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Quyết định hành chính trên đã giải quyết các nội dung khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T theo đúng trình tự quy định và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Việc khởi kiện vụ án hành chính xuất phát từ việc khiếu nại đơn giá bồi thường quyền sử dụng đất thấp và yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 5.000.000 đồng/m². Tuy nhiên, việc bồi thường và chính sách hỗ trợ đối với bà Mai Thị Thanh T đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nay bà Mai Thị Thanh T yêu cầu hủy quyết định hành chính do UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành nhưng không có đủ cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tố tụng. Đề nghị Tòa án bác các yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T, giữ nguyên các quyết định hành chính của UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 67/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh) đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 357, điểm a khoản 2 Điều 116, 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 69, khoản 2 Điều 74, Điều 75, Điều 79 của Luật Đất đai.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T:

- Hủy Quyết định số: 1668/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T.

- Hủy Quyết định số 14989/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thực hiện nhiệm vụ công vụ về việc bồi thường thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4 loại đất lúa tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Mai Thị Thanh T theo hiện trạng tiếp giáp đường đá xanh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy các Quyết định số: 21739/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị Thanh T3 ngày 31/12/2013; Quyết định số 1667/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc điều chỉnh một phần nội dung điều 1 trong quyết định thu hồi đất số: 21739/QĐ-UBND ngày 31/12/20213 của UBND huyện Đ (điều chỉnh tên Mai Thị Thanh T3 thành Mai Thị Thanh T); về chi phí tố tụng; về án phí hành chính sơ thẩm và hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí; về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5/2025, Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và xét xử phúc thẩm theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chủ tịch UBND xã M, tỉnh Tây Ninh là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Mai Thị Thanh T đề nghị bác kháng cáo của UBND huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch UBND xã M, tỉnh Tây Ninh) giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ quan Công ty cổ phần Đ có ông Nguyễn Văn T2 - Chuyên viên Công ty điều hành khu công nghiệp H có ý kiến: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Xét thấy, bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T là có căn cứ. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh) làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để thụ lý, xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Chủ tịch UBND xã M, tỉnh Tây Ninh là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ có văn bản xin xét xử vắng mặt. Nên tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người khởi kiện bà Mai Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định số: 1668/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T; Quyết định số 14989/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T; Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thực hiện nhiệm vụ công vụ về việc bồi thường thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4 cho bà Mai Thị Thanh T theo hiện trạng giáp với mặt tiền đường đá xanh trên 03m.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, người bị kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

Bà Mai Thị Thanh T có diện tích 954m² đất lúa tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/11/2008.

Ngày 31/12/2013, UBND huyện Đ có Quyết định số: 21739/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị Thanh T3, đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số

4, tổng diện tích 954m², loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 26/4/2024, UBND huyện Đ có Quyết định số: 1667/QĐ-UBND về việc điều chỉnh họ và tên trong quyết định thu hồi đất số: 21739/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND huyện Đ (điều chỉnh tên từ Mai Thị Thanh T3 thành Mai Thị Thanh T).

Cùng ngày 26/4/2024, UBND huyện Đ có Quyết định số: 1668/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T số tiền 1.479.418.875 đồng.

Người khởi kiện bà Thanh T khai rằng thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An của bà Thanh T có vị trí tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 03 mét nhưng khi thu hồi thửa đất trên UBND huyện Đ không bồi thường thửa đất trên tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 3 mét là không đúng hiện trạng thực tế làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Người bị kiện UBND huyện Đ thì cho rằng: Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An của bà Thanh T có vị trí tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 3 mét nhưng đường đá xanh này người dân tự trải vào tháng 4/2024 để chống lầy, chống trơn trượt. UBND xã M không công nhận là đường giao thông có trải đá xanh nên không cập nhật vào bản đồ địa chính do Cơ quan Nhà nước quản lý cũng như bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Nên khi thu hồi thửa đất 02 của bà Thanh T, UBND huyện Đ bồi thường thửa đất trên cho bà Thanh T có vị trí tiếp giáp với đường đất lớn hơn 3 mét là phù hợp.

Xét thấy cùng vị trí thửa 02 của bà T4 Tuyên tiếp giáp với đường đá xanh trên còn có các thửa đất 06, 07, 371, tờ bản đồ số 3 của bà Mai Thị G. Khi UBND huyện Đ ban hành các quyết định bồi thường các thửa đất trên cho bà G có vị trí tiếp giáp với đường đất lớn hơn 3 mét. Bà G khiếu nại, trong quá trình giải quyết khiếu nại UBND tỉnh L xác định: Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện các thửa đất của bà Mai Thị G có vị trí tiếp giáp với đường đất nhưng trên thực tế, năm 2012 các hộ dân trải đá xanh để phục vụ cho việc đi lại của các hộ dân do đó tại Báo cáo số 209/BC-UBND ngày 31/3/2023 của UBND xã Đ xác định: Con đường này hình thành trước năm 1975 là đường đất và con đường này là đường liên xã Đ - Mỹ Hạnh N. Đến năm 2012 để đạt chuẩn xã nông thôn mới UBND xã Đ vận động nhân dân đá xanh hóa các đường giao thông nông thôn. Từ đó, UBND tỉnh L chấp nhận nội dung khiếu nại của bà G về việc yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 06, 07, 371 cùng tờ bản đồ số 3 tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 03 mét. Theo họa đồ vị trí thực tế của các thửa đất dùng để giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị G (họa đồ này do UBND huyện Đ cung cấp kèm theo hồ sơ giải quyết khiếu nại của bà G) có thể hiện thửa đất 02 của bà Mai Thị Thanh T tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 3 mét, tọa lạc tại xã Đ, thuộc dự án khu công nghiệp N.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Long An lập ngày 09/01/2025 đã xác định: Tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An là đất trồng lúa, hiện nay lúa đã thu hoạch, phía bắc của

thửa đất tiếp giáp với con đường rộng khoảng hơn 3 mét, trên mặt đường được trải đá xanh. Hiện nay, thửa đất này do bà Thanh T đang quản lý, sử dụng.

Tại xác nhận của ông Huỳnh Văn D (nguyên Trưởng ấp M) có nội dung: Vào năm 2009, ông D có vận động nhân dân ấp Mới 2 trải đá xanh để thuận tiện cho người dân đi lại (Biên bản trên được UBND xã M xác nhận vào ngày 14/9/2023); Tại xác nhận của ông Ngô Văn S có nội dung: Vào khoảng những năm 2010 đến năm 2023 bà Đào Thị S1 ngụ tại ấp B, xã Đ có liên hệ với ông S mua vật liệu là đá đổ làm đường đoạn từ nhà bà S1 đến K. Khoảng 01 đến 02 năm đường xuống cấp hư hỏng bà S1 liên hệ ông S đổ dặm lại. Sau đó, bà S1 chết thì các con gái của bà S1 có liên hệ với ông S đổ một, hai lần (Xác nhận trên được Văn phòng C1 chứng thực vào ngày 02/5/2025).

Do đó, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 1668/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An có vị trí tiếp giáp với đường đất lớn hơn 3m là chưa phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thanh T.

Bà Mai Thị Thanh T khiếu nại và Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 14989/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 về việc giải quyết bác khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T chưa đúng quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Thanh T hủy Quyết định số: 1668/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T; hủy Quyết định số: 14989/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết bác khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T và buộc UBND huyện Đ thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An có vị trí tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 3m là có căn cứ.

[4] Người bị kiện UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ có kháng cáo nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ.

Do đó, giữ nguyên Bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T hủy các Quyết định số: 1668/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T; Quyết định số: 14989/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết bác khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T và buộc UBND huyện Đ thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T đối với thửa đất số 02, tờ

bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An có vị trí tiếp giáp với đường đá xanh lớn hơn 3m theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại Công văn số: 207/TANDTC-PC ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân tối cao Giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử vụ án hành chính có hướng dẫn: *“Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; điểm c khoản 2 Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính thì Hội đồng xét xử ...phải tuyên cụ thể hơn các nhiệm vụ, công vụ mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước phải thực hiện theo phần nhận định của bản án, gắn với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không được tuyên quá chi tiết những việc thuộc thẩm quyền của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước”*.

Do đó, cần điều chỉnh lại cách tuyên tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm như sau: Buộc UBND huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh) thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Mai Thị Thanh T theo quy định của pháp luật phù hợp với nhận định tại mục [4] của Bản án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ phải chịu toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy các Quyết định số: 21739/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị Thanh T3 ngày 31/12/2013; Quyết định số 1667/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc điều chỉnh một phần nội dung điều 1 trong quyết định thu hồi đất số: 21739/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện Đ (điều chỉnh tên Mai Thị Thanh T3 thành Mai Thị Thanh T); về chi phí tố tụng; về án phí hành chính sơ thẩm và hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh).

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 67/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh).

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 357, điểm a khoản 2 Điều 116, 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 69, khoản 2 Điều 74, Điều 75, Điều 79 của Luật Đất đai.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T:

- Hủy Quyết định số: 1668/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Mai Thị Thanh T.

- Hủy Quyết định số: 14989/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Mai Thị Thanh T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh) thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 4, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Mai Thị Thanh T theo quy định của pháp luật phù hợp với nhận định tại mục [4] của Bản án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch UBND xã M, tỉnh Tây Ninh) phải nộp 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000517, 0000525 ngày 15/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh). Người bị kiện đã nộp xong.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy các Quyết định số: 21739/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Mai Thị Thanh T3 ngày 31/12/2013; Quyết định số 1667/QĐ-UBND của UBND huyện Đ về việc điều chỉnh một phần nội dung điều 1 trong quyết định thu hồi đất số: 21739/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện Đ (Điều chỉnh Mai Thị Thanh T3 thành Mai Thị Thanh T); về chi phí tố

tụng; về án phí hành chính sơ thẩm và hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**